

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HS.ST
Ngày 01-3-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Trịnh Sơn Hải.

2) Ông Ngô Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Bình, Thư ký Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Sinh, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh ngày 30 tháng 8 năm 1997, tại Duy Xuyên, Quảng Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn M, xã D, huyện D, tỉnh Q; nghề nghiệp: thợ mộc; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K (sinh năm 1969 – đã chết) và bà Tô Thị T (sinh năm 1976); bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 anh em, bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1997, trú tại: thôn P2, xã D, huyện D, tỉnh Q. (*Có mặt*)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Cao Thị Thanh H, sinh năm 1988, trú tại: thôn B, xã D, huyện D, tỉnh Q (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 30/08/2021, Lê Văn T rủ Nguyễn Minh H (*sinh năm 1997; trú tại: thôn P2, xã D, huyện D, tỉnh Q*) đến nhà T thuộc thôn M, xã D, huyện D, tỉnh Q để dự tiệc sinh nhật của T, H đồng ý và đến nhà T. Tại đây, do có nhậu trước đó nên H uống vài lon bia, thấy say nên H ngủ lại nhà T. Trong lúc H ngủ say, T thấy sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 50cm, gồm nhiều mắc xích nối lại với nhau, trong đó có 06 đoạn khối hình trụ có chữ “GUCCI” trên cổ H nên T nảy sinh ý định lấy sợi dây chuyền để bán kiếm tiền tiêu xài cá nhân. T nhanh chóng tháo sợi dây chuyền trên cổ của H rồi đem cầm cố tại tiệm cầm đồ H Quán do bà Cao Thị Thanh H (*sinh năm 1988, trú tại: thôn B, xã D, huyện D, tỉnh Q*) làm chủ, do chưa xác định được sợi dây chuyền có phải vàng thật không nên bà H đưa trước cho T số tiền 2.000.000 đồng, T đem 2.000.000 đồng về chi phí việc tổ chức sinh nhật. Đến sáng ngày 31/8/2021, H ngủ dậy không thấy sợi dây chuyền nên hỏi T có lấy sợi dây chuyền vàng của H không thì T thừa nhận có lấy và hứa sẽ trả lại cho H. Tuy nhiên, T không những không lấy sợi dây chuyền về trả cho H mà còn gọi điện cho bà H hỏi sợi dây chuyền trị giá bao nhiêu tiền và yêu cầu bà H chuyển thêm tiền cho T. Sau đó, bà H chuyển thêm cho T với tổng số tiền là 9.000.000 đồng bằng hình thức chuyển qua tài khoản (*trong đó, bà H chuyển qua tài khoản Momo tên “Cao Thị Thanh H” đến tài khoản Momo tên “Lê Văn T” của T nhiều lần với tổng số tiền 8.500.000 đồng và số tiền 500.000 đồng thông qua internet banking từ số tài khoản ngân hàng Agribank 420420501410 của bà H đến số tài khoản ngân hàng Sacombank 040091093271 của T*), số tiền có được từ việc cầm cố sợi dây chuyền trộm cắp của H được T dùng để tiêu xài cá nhân hết. Ngày 06/10/2021, H viết đơn trình báo Công an giải quyết. Đến ngày 18/10/2021, T đến tiệm cầm đồ của bà H lấy lại sợi dây chuyền trả cho bị hại Nguyễn Minh H

Vật chứng thu giữ: 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 50cm, gồm nhiều mắc xích nối lại với nhau, trong đó có 06 đoạn khối hình trụ có chữ “GUCCI” của Nguyễn Minh H.

* Tại bản kết luận giám định số 1288/C09C-Đ2 ngày 29/10/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại TP ĐN, xác định: “Sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng được niêm phong gửi giám định (*dài 50cm, gồm nhiều mắc xích nối lại với nhau, trong đó có 06 đoạn khối hình trụ có chữ “GUCCI”*) có kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng là 61%, khối lượng mẫu là 13,16 gam.

* Theo kết luận định giá tài sản số: 25/HĐĐG-TTHS ngày 29/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D kết luận: 01 (*một*) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 50cm, gồm nhiều mắc xích nối lại với nhau, trong đó có 06 đoạn khối hình trụ có chữ “GUCCI”, hàm lượng kim loại vàng 61%, trọng lượng 13,16 gam tại thời điểm bị mất có giá trị là 12.350.000 đồng (*Mười hai triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số: 04/CT-VKSDX-HS ngày 21 tháng 01 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài

sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 *(đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự, bị hại Nguyễn Minh H không yêu cầu bồi thường gì thêm. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện D đã tạm giữ: 01 *(một)* sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 50cm, gồm nhiều mắc xích nối lại với nhau, trong đó có 06 đoạn khối hình trụ có chữ “GUCCI” của Nguyễn Minh H. Hiện tài sản trên đã được trả lại cho chủ sở hữu.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T thống nhất với nội dung cáo trạng, thừa nhận hành vi phạm tội mà mình đã gây ra, bị cáo rất ăn năn hối lỗi, đồng thời mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra và truy tố, bị cáo và bị hại không có ý kiến hay KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Lê Văn T tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ, với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để xác định: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 30/8/2021, tại nhà Lê Văn T thuộc thôn M, xã D, huyện D, tỉnh Q, Lê Văn T đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 *(một)* sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 50cm, gồm nhiều mắc xích nối lại với nhau, trong đó có 06 đoạn khối hình trụ có chữ “GUCCI” của Nguyễn Minh H, giá trị của sợi dây chuyền nêu trên là 12.350.000 đồng *(Mười hai triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng)*. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 *(đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo với tội danh như trên là có căn cứ, đúng pháp luật, cần được chấp nhận.

[3] *Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:*

Tội phạm mà bị cáo gây ra xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo vệ. Bị cáo Lê Văn T đã nhận thức được rằng việc chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật. Nhưng vì tham lam, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không cần bỏ sức lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo gây thiệt hại không lớn. Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại Nguyễn Minh H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Đây là những tình tiết được Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo một phần mức hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Lê Văn T có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của Nhà nước, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vì vậy không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, cho bị cáo được hưởng án treo như truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục mà không gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại Nguyễn Minh H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm, bị cáo Lê Văn T đã trả số tiền 11.000.000 đồng cho bà Cao Thị Thanh H, bà H đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về xử lý vật chứng:* Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 50cm, gồm nhiều mắc xích nối lại với nhau, trong đó có 06 đoạn khối hình trụ có chữ “GUCCI” của Nguyễn Minh H. Sau khi điều tra làm rõ, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện D đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 37/QĐ ngày 31/10/2021, trả lại sợi dây chuyền nêu trên cho bị hại anh Nguyễn Minh H. Việc trao trả vật chứng trên là đúng quy định pháp luật qui định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] *Vấn đề khác:* Đối với bà Cao Thị Thanh H là chủ tiệm cầm đồ H Quán, bà H đã có hành vi nhận cầm cố 01 sợi dây chuyền bằng kim loại vàng là tài sản do Lê Văn T trộm cắp, do bà H không biết nguồn gốc sợi dây chuyền này là do bị cáo T

trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D không xem xét, xử lý là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 *(đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)*.

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 12 *(Mười hai)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 *(Hai mươi bốn)* tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm *(01/3/2022)*.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*.

2. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015: Bị cáo Lê Văn T, bị hại Nguyễn Minh H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án *(01/3/2022)*. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Sở tư pháp tỉnh Q;
- Cục THA tỉnh Q;
- Chi cục THA DS huyện D;
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn, THA.

Trần Hoàng Dũng